

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ H**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 491/2020/QĐST-HNGĐ

B, Ngày 14 tháng 09 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B**

Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213, Điều 361, Điều 371, Điều 396, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 54, 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 461/2020/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 09 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Anh Phan Trần A**, sinh năm 1989

- **Chị Nguyễn Thị Hương T**, sinh năm 1989

Cùng Hộ khẩu thường trú: Căn hộ 2504-Tòa 27A2-CT2-KĐT Thành phố giao lưu, TDP Hoàng 20, phường C, quận B, thành phố H.

Cùng nơi ở: Phòng 212 – C8 Tập thể T, phường T, quận B, thành phố H

XÉT THẤY:

Anh Phan Trần A và chị Nguyễn Thị Hương T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 01/10/2015 tại Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố T, Tỉnh T (Giấy chứng nhận kết hôn số 55/2015, quyển số 01/2015), đây là hôn nhân hợp pháp.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 04 tháng 09 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Anh **Phan Trần A** và chị **Nguyễn Thị Hương T** thống nhất thuận tình ly hôn.

2. **Về con chung:** Anh chị có 02 con chung là: Phan Trí D, sinh ngày 15 tháng 11 năm 2016 và Phan Vi A, sinh ngày 14 tháng 05 năm 2018.

Ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị để chị T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Phan Trí D và Phan Vi A; anh Trần A có trách đóng góp tiền nuôi dưỡng hai con chung là 9.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 09/2020 cho đến khi các con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh Trần A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục các con chung không ai được ngăn cản.

3. **Về tài sản chung và nhà ở:** Anh chị cùng xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. **Về các khoản vay nợ:** Anh chị không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét. Nợ riêng của ai thì người đó tự trả.

II. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị Hương T tự nguyện chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lệ phí giải quyết yêu cầu về hôn nhân gia đình. Xác nhận chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0024736 ngày 04 tháng 09 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố H.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận B;
- Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố T, Tỉnh T.
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hoài Phương